

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐÔNG DƯƠNG OFS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐÔNG DƯƠNG OFS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DONG DUONG OFS GENERAL SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301207851

**3. Ngày thành lập:** 19/04/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

C01.18 – Tầng 01, Chung cư Đông Dương, Khu 2 Yna, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0904.408.139

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                               | 4322        |
| 2.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                           | 8230        |
| 3.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                    | 8292        |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299        |
| 5.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                           | 9511        |
| 6.  | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                          | 9512        |
| 7.  | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                 | 9522        |
| 8.  | Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình                                                                         | 9700        |
| 9.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động phiên dịch, dịch thuật                                                        | 7410(Chính) |
| 10. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                       | 1071        |
| 11. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                               | 1075        |
| 12. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                      | 1079        |
| 13. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                      | 1410        |
| 14. | In ấn                                                                                                                               | 1811        |
| 15. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                            | 1812        |
| 16. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                           | 1820        |
| 17. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                | 2013        |
| 18. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                      | 2022        |

|     |                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                            | 2220 |
| 20. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                            | 2592 |
| 21. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                             | 2599 |
| 22. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                              | 2610 |
| 23. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                          | 4774 |
| 24. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ        | 4781 |
| 25. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                | 4782 |
| 26. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                      | 4783 |
| 27. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                     | 4784 |
| 28. | Bốc xếp hàng hóa                                                                        | 5224 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                 | 5225 |
| 30. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                     | 5229 |
| 31. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                   | 8211 |
| 32. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                | 8219 |
| 33. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                  | 3311 |
| 34. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                              | 3312 |
| 35. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                  | 3314 |
| 36. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                  | 3319 |
| 37. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                 | 3320 |
| 38. | Phá dỡ                                                                                  | 4311 |
| 39. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                       | 4312 |
| 40. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                   | 4321 |
| 41. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh        | 4771 |
| 42. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772 |
| 43. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.750.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ DUNG | Việt Nam  | Khu 2 Y Na, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | 700.000.000           | 40,000    | 024187020771                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ MAI  | Việt Nam  | Thôn Đồng Bông, Xã Ngọc Vân, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam     | 1.050.000.000         | 60,000    | 024195014059                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ MAI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/12/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024195014059

Ngày cấp: 25/06/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Đồng Bông, Xã Ngọc Vân, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đồng Bông, Xã Ngọc Vân, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh